

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng
công trình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2017/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định việc phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn các cấp, các chủ đầu tư để thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh. Những nội dung không phân cấp cụ thể tại Quy định này, thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các nguồn vốn khác (gọi chung là vốn đầu tư) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo Quy định này. Riêng các nội dung về đấu thầu trong Quy định này chỉ áp dụng cho các gói thầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Luật Đấu thầu năm 2013 (sau đây viết tắt là Luật Đấu thầu).

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo thực hiện đúng pháp luật về xây dựng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng: Là Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Phòng có chức năng quản lý xây dựng gồm phòng Quản lý Đô thị (đối với thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi), phòng Kinh tế (đối với huyện đảo Phú Quý), phòng Kinh tế Hạ tầng (đối với các huyện còn lại).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Bao gồm Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Bao gồm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

4. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư: Là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

5. Cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định: Là cơ quan có trách nhiệm thực hiện thẩm định đối với công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng là những công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 46/2015).

Chương II

PHÂN CẤP CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 4. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo Điều 17 Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí xác định dự án trọng điểm nhóm C, thực hiện theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A, nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý trừ các dự án quy định tại điểm d Khoản này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B trở xuống sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách do tỉnh quản lý;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan cấp dưới trực tiếp quyết định đầu tư đối với các dự án quy định tại điểm c khoản này.

2. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách địa phương cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách địa phương cấp tỉnh trừ các dự án quy định tại điểm d Khoản này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp tỉnh;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư đối với các dự án quy định tại điểm c khoản này.

3. Đối với dự án sử dụng vốn khác: Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư xây dựng dự án trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 59/2015) chủ trì thẩm định các dự án nhóm B, nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các dự án do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,

cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư và các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định;

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

c) Thẩm định thiết kế công nghệ:

- Đối với dự án có nội dung thuộc lĩnh vực thông tin liên lạc, điện tử, tin học, cơ quan chủ trì thẩm định dự án lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông về phần công nghệ thông tin.

- Đối với dự án có thiết kế công nghệ, cơ quan chủ trì thẩm định dự án gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định công nghệ theo quy định của Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP chủ trì, thẩm định Thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án nhóm B, nhóm C; chủ trì, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trừ các dự án do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư và các dự án thuộc điểm b Khoản này;

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

c) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm định tổng mức đầu tư, thẩm định về thiết kế công nghệ; phân công như sau:

- Đối với các dự án do Ủy ban nhân tỉnh quyết định đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Đối với các dự án do Ủy ban nhân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư là Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP):

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điều 76 Nghị định 59/2015 chủ trì, thẩm định thiết kế cơ sở; góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án; đơn vị đầu mối quản lý về hoạt động PPP thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện, trình phê duyệt dự án.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn khác:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015 chủ trì, tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế hai bước, ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế một bước) đối với các loại: Công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ phần thiết kế công nghệ);

b) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung của dự án, trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại Điểm a Khoản này.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan về các nội dung của dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn quy định về các nội dung của thiết kế cơ sở; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên; kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác.

Điều 7. Các quy định khác về thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, phê duyệt dự án

1. Trình tự, hồ sơ, thời gian thẩm định dự án, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo các điều 5,6,7,8,9,12 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 Quy định chi tiết và

hướng dẫn về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình (sau đây viết tắt là Thông tư 18/2016/TT-BXD).

2. Phê duyệt dự án đầu tư công: Thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định 136/2015) và Điều 14 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

Cơ quan có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt đối với dự án do cấp tỉnh quyết định đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư; đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư là Phòng Kế hoạch và Tài chính huyện.

Điều 8. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước đã được phê duyệt được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 61 Luật Xây dựng và thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2015 và Điều 16 Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

2. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, người có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh dự án sau khi thực hiện kiểm tra, đánh giá và theo quy định của Luật Đầu tư công. Các nội dung điều chỉnh phải được thẩm định theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

3. Đối với dự án sử dụng vốn khác, việc điều chỉnh dự án do người quyết định đầu tư quyết định trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về quy hoạch, an toàn, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, quốc phòng, an ninh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

Điều 9. Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng

Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định và thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 32/2015).

Chương III

PHÂN CẤP THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015 chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các công trình do Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định;

b) Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến Sở Tài chính về trang thiết bị được mua cùng dự án đối với các công trình.

2. Đối với các công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015 chủ trì, thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các công trình do Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định và các công trình quy định tại điểm b, điểm c Khoản này;

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của công trình cấp IV do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

c) Đối với các công trình không thuộc đối tượng do UBND các cấp và Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư, người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của công trình cấp IV, công trình lưới điện trung áp.

3. Đối với các công trình sử dụng vốn khác:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015 chủ trì, thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh trừ các công trình cấp I, cấp đặc biệt, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên;

b) Người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đối với các công trình xây dựng còn lại.

Điều 11. Trình tự, thủ tục, thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Trình tự, hồ sơ, thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo các điều 5,6,7,8,9,10,12 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

2. Thời gian thẩm định:

- a) Không quá 30 (ba mươi) ngày đối với công trình cấp II, cấp III.
- b) Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với các công trình còn lại.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế dự toán xây dựng công trình

1. Đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng trường hợp thiết kế 3 bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước đối với các dự án nhóm A, B có sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước đối với các dự án nhóm C có sử dụng vốn ngân sách do tỉnh quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước đối với các dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương cấp huyện, xã;

d) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với các công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế 3 bước đối với dự án nhóm A, B có sử dụng nguồn vốn do tỉnh quản lý;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước đối với dự án nhóm C có sử dụng nguồn vốn do tỉnh quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước đối với các dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương cấp huyện, xã;

d) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế 3 bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế 2 bước; phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP.

3. Đối với các công trình sử dụng vốn khác:

Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

4. Đối với công tác khắc phục hậu quả do bị thiên tai lũ lụt và công tác sửa chữa đột xuất, sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn các công trình giao thông, thủy lợi, thoát nước có tổng vốn đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng; công tác sửa chữa và xây dựng mới các công trình khác có tổng vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng **không sử dụng vốn từ nguồn ngân sách nhà nước**: Ủy quyền người quản lý, sử dụng công trình (chủ đầu tư) căn cứ kế hoạch vốn bảo trì được giao hoặc chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền xác định nội dung cần sửa chữa, tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán công trình để triển khai thực hiện, không phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình.

5. Các trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo điểm a khoản 4 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 13. Điều chỉnh thiết kế - dự toán xây dựng

1. Thiết kế, dự toán xây dựng đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 32/2015).

2. Việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

Điều 14. Dự toán gói thầu xây dựng

Trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu xây dựng, các chủ đầu tư tổ chức xác định, cập nhật dự toán gói thầu xây dựng; thực hiện thẩm định, phê duyệt để thay thế giá gói thầu xây dựng ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt.

Nội dung và phương pháp xác định dự toán gói thầu xây dựng theo quy định tại các Điều 13,14,15,16 Nghị định 32/2015.

Điều 15. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách, hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực của huyện sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chức năng của các Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư 16/2016/TT-BXD); được làm chủ đầu tư một số dự án cụ thể theo phân giao của người quyết định đầu tư và thực hiện nhiệm vụ quản lý đồng thời nhiều dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách;

d) Trường hợp người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình là chủ đầu tư dự án thì người quyết định đầu tư giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng ủy thác với Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định;

e) Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện vai trò của chủ đầu tư, đồng thời ký hợp đồng với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện để thực hiện quản lý dự án;

f) Đối với dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình xây dựng quy mô nhỏ có tổng mức đầu tư dưới năm (05) tỷ đồng, dự án có sự tham gia của cộng đồng và dự án có tổng mức đầu tư dưới (02) hai tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư thì đơn vị được người quyết định đầu tư giao làm chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp quản lý.

2. Đối với dự án sử dụng vốn khác, người quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án.

3. Đối với dự án PPP, doanh nghiệp dự án lựa chọn hình thức quản lý dự án là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án hoặc thuê tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 16. Phân cấp quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ phương pháp lập định mức dự toán xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn, tổ chức lập và công bố định mức xây dựng cho các công việc đặc thù của địa phương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.

b) Thống nhất hướng dẫn lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước; công bố chỉ số giá xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công và đơn giá xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng:

a) Căn cứ vào phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định các loại chỉ số giá xây dựng, yếu tố chi phí; định kỳ công bố theo tháng, quý, năm và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi;

b) Thực hiện việc công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng; tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công và đơn giá xây dựng công trình;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hướng dẫn lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước.

3. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý;

b) Hướng dẫn việc áp dụng định mức thu phí, việc quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, thiết kế, dự toán xây dựng và các phí khác (nếu có);

c) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án có sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý;

d) Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm A,B và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm C và các công trình còn lại thuộc ngân sách tỉnh.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

a) Thực hiện thẩm tra quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

b) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

5. Công tác kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo Công văn số 1697/UBND-ĐTQH ngày 23 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh. Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; các dự án còn lại thì khuyến khích và cho phép chủ đầu tư chủ động quyết định việc thực hiện kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư trước khi trình cơ quan thẩm quyền thẩm tra phê duyệt quyết toán nếu thấy cần thiết và đủ điều kiện. Trường hợp dự án nhóm C nhưng có quy mô lớn, có tính chất phức tạp, chủ đầu tư trình hồ sơ quyết toán nhưng chưa thực hiện kiểm toán độc lập thì Sở Tài chính (đối với các công trình cấp tỉnh quyết định đầu tư, đã phân cấp cho Sở Tài chính phê duyệt quyết toán) hoặc UBND cấp huyện (đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp huyện quyết định đầu tư), yêu cầu chủ đầu tư thực hiện kiểm toán quyết toán vốn đầu tư trước khi trình cơ quan thẩm quyền thẩm tra phê duyệt quyết toán.

Điều 17. Phân công, phân cấp quản lý và thực hiện công tác đấu thầu trong xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Có ý kiến bằng văn bản về kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo yêu cầu; thực hiện các công việc khác về lựa chọn nhà thầu theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không phải là chủ đầu tư;

b) Thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật Đấu thầu đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

c) Thực hiện các công việc quy định tại Điều 74 của Luật Đấu thầu đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

b) Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ đầu tư khi được yêu cầu;

c) Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật Đấu thầu và trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại Điều 74 của Luật Đấu thầu;

d) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư) hoặc thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) để xem xét hoặc trực tiếp quyết định theo thẩm quyền việc hủy, đình chỉ cuộc thầu hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật Đấu thầu đối với các dự án do mình quyết định đầu tư;

b) Thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại Điều 74 của Luật Đấu thầu đối với các dự án do mình là chủ đầu tư.

4. Phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện:

a) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

b) Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ mời quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

5. Các gói thầu thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình còn lại, người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Đối với các gói thầu xây lắp duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước có giá trị không lớn hơn một (01) tỷ đồng: Các đơn vị đang quản lý như: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi (đối với công trình thủy lợi), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (đối với công trình cấp thoát nước) **được tự thực hiện** theo Điều 61 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu.

7. Đối với các gói thầu Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo yêu cầu thẩm tra của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn trực tiếp tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định theo ý kiến của cơ quan thẩm định, không phải trình cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

8. Khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải căn cứ vào Chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng công trình đã được phê duyệt, quy định về quản lý chất lượng thi công, quy định về quản lý chất lượng vật liệu và quy định về điều kiện năng lực của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 để xây dựng tiêu chí lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực phù hợp với tính chất và quy mô công trình.

9. Các thông tin về năng lực hoạt động xây dựng được đăng tải công khai trên website của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP là cơ sở để lựa chọn nhà thầu tham gia các hoạt động xây dựng.

10. Để kịp thời phát hiện những sai sót trong quá trình lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư phải gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư), gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư) các hồ sơ:

- Hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu). Thời gian gửi về trong vòng 02 ngày kể từ ngày phê duyệt hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu);

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo báo cáo về kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định. Thời gian gửi về trong vòng 02 ngày, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

11. Đối với công tác giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu thực hiện theo Thông tư số 10/2016/TT-BKHĐT ngày 22/7/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu.

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng

1. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng thực hiện theo Nghị định số 121/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng, công tác quản lý chất lượng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan thực hiện nội dung thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và lựa chọn nhà thầu.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quyết toán công trình xây dựng và kiến nghị xử lý vi phạm về việc chấp hành báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành của các chủ đầu tư.

5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng được ủy quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã có chủ trương đầu tư trước khi ban hành Quy định này, thực hiện các bước tiếp theo theo Quy định này.
2. Đối với các dự án đã được thẩm định, phê duyệt trước khi ban hành Quy định này không phải tiến hành thẩm định, phê duyệt lại; các công việc tiếp theo thực hiện theo Quy định này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm thực hiện đúng Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu, các thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và Quy định này.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm cho Sở Xây dựng phổ biến triển khai thực hiện Quy định này, trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị có văn bản báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai